

XU HƯỚNG ÁP DỤNG ESG VÀ ĐỀ XUẤT CHO TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Bùi Minh Tiến, Nguyễn Thị Thủy Tiên, Đặng Thanh Tùng

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Email: tungdt@pvn.vn

<https://doi.org/10.47800/PVSI.2024.04-01>

Tóm tắt

Việc tích hợp ESG (môi trường, xã hội và quản trị) vào chiến lược kinh doanh đang trở thành xu thế tất yếu và ngày càng trở nên cấp thiết trong ngành năng lượng, với sự tập trung ngày càng tăng vào giảm phát thải carbon, đầu tư vào năng lượng tái tạo và tăng cường minh bạch trong quản trị doanh nghiệp.

Bài báo phân tích chi tiết xu hướng áp dụng ESG trong ngành năng lượng toàn cầu và đề xuất các kiến nghị cụ thể cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam). Theo đó, Petrovietnam cần xây dựng lộ trình ESG toàn diện, bao gồm các mục tiêu cụ thể và đo lường được, để nâng cao vị thế cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu.

Từ khóa: ESG, giảm phát thải carbon.

1. Giới thiệu

ESG lần đầu tiên xuất hiện vào năm 2004, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc đánh giá và quản lý rủi ro bền vững trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. ESG là khung quản trị toàn diện, không chỉ đánh giá hiệu suất tài chính của doanh nghiệp mà còn đánh giá sự tương quan giữa hoạt động kinh doanh và tác động đến môi trường, xã hội và quản trị. Mỗi yếu tố trong ESG đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và thúc đẩy sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Môi trường (E): Tác động đến môi trường, bao gồm việc quản lý tài nguyên, giảm khí thải, xử lý chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Xã hội (S): Tác động đến xã hội và cộng đồng, bao gồm quan hệ lao động, an toàn, đa dạng và bao trùm, cũng như sự tương tác tích cực với cộng đồng.

- Quản trị (G): Cơ cấu quản trị, đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật và đảm bảo tính minh bạch [1].

Việc hiểu và áp dụng các yếu tố chính của ESG không chỉ giúp doanh nghiệp thúc đẩy sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội mà còn tạo ra lợi ích dài hạn thông qua

việc tăng cường giá trị kinh doanh, quản lý rủi ro hiệu quả và xây dựng lòng tin từ các bên liên quan, cụ thể:

- Giảm thiểu rủi ro: Giúp doanh nghiệp xác định và quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị. Thông qua việc đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường và xã hội, doanh nghiệp có thể xác định các vấn đề tiềm ẩn rủi ro.

- Tối ưu hóa cơ hội: Tạo ra cơ hội kinh doanh mới. Các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên bền vững và tương tác tích cực với cộng đồng có thể tạo ra lợi ích kinh tế và mang lại giá trị tốt hơn cho doanh nghiệp. Việc đẩy mạnh sự đa dạng trong nơi làm việc cũng có thể giúp tạo ra môi trường sáng tạo và thúc đẩy sự phát triển dài hạn.

- Xây dựng lòng tin và thương hiệu: Xây dựng lòng tin từ các bên liên quan, bao gồm cả khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng. Thực hiện tốt các yếu tố môi trường, xã hội và tương tác tích cực với cộng đồng tạo ra hình ảnh tích cực cho doanh nghiệp, nâng cao danh tiếng, thương hiệu.

- Phát triển đội ngũ: Tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, tăng sự gắn kết, thu hút và giữ chân được người tài, nhất là thế hệ trẻ.

- Phát triển bền vững: Vai trò của ESG không chỉ giới hạn trong việc quản lý rủi ro ngắn hạn, mà còn tạo ra cơ



Ngày nhận bài: 11/8/2024.

Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 11 - 19/8/2024.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/8/2024.

hội cho sự phát triển bền vững dài hạn. Tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược kinh doanh có thể tạo ra giá trị không chỉ cho doanh nghiệp mà còn cho cộng đồng và môi trường xung quanh. Việc đặt ESG làm trọng tâm trong quyết định đầu tư và phát triển sản phẩm cũng giúp đảm bảo rằng các hoạt động của doanh nghiệp thúc đẩy sự phát triển bền vững trong tương lai.

Việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh tích hợp với ESG sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo đạt được hiệu suất tài chính, góp phần tích cực vào môi trường, xã hội và quản lý tốt. Việc xác định rõ các mục tiêu ESG không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của cộng đồng quốc tế và nhà đầu tư mà còn đóng góp cho sự phát triển bền vững. Đây không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp mà còn là cơ hội để doanh nghiệp thể hiện cam kết đối với giá trị và mục tiêu xã hội toàn cầu.

Theo nghiên cứu của PwC, trên 60% khách hàng đang dựa vào các tiêu chí phát triển bền vững và đạo đức kinh doanh để quyết định mua sắm và con số này đang tăng 10% mỗi năm. ESG ngày càng ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư và vốn, và ảnh hưởng này sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2024. Các nhà đầu tư và các bên liên quan mong đợi sự minh bạch thông tin ESG để đo lường và so sánh hiệu suất. Ngày càng có nhiều nhà đầu tư mong muốn giải quyết các vấn đề bền vững (như tài trợ cho quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng sang nền kinh tế carbon thấp) và kỳ vọng nhu cầu mạnh mẽ từ nhà đầu tư đối với phân tích dựa trên dữ liệu đáng tin cậy để thông tin cho quyết định đầu tư ESG. Dữ liệu và công nghệ, bao gồm cả các công cụ phân tích, đang trở thành yếu tố quyết định đối với nhà đầu tư [2]. Năm 2024 đánh dấu sự chuyển dịch đáng kể sang yêu cầu công bố ESG bắt buộc, với các quy định mới từ châu Âu (EU), Mỹ, và các nền kinh tế lớn khác.

Đối với ngành năng lượng, ESG là bước tiến đáng kể trong việc chuyển đổi từ các hoạt động truyền thống sang hướng phát

triển bền vững. Ngoài ra, ESG cũng tạo cơ hội để ngành năng lượng tạo ra giá trị cho xã hội và cộng đồng. Trên phạm vi toàn cầu, các công ty năng lượng đang đối mặt với áp lực ngày càng tăng từ nhà đầu tư, khách hàng và cơ quan quản lý để giảm thiểu tác động môi trường, tăng cường trách nhiệm xã hội và cải thiện quản trị doanh nghiệp [3].

Đối với Việt Nam, việc áp dụng ESG trong ngành năng lượng là cần thiết:

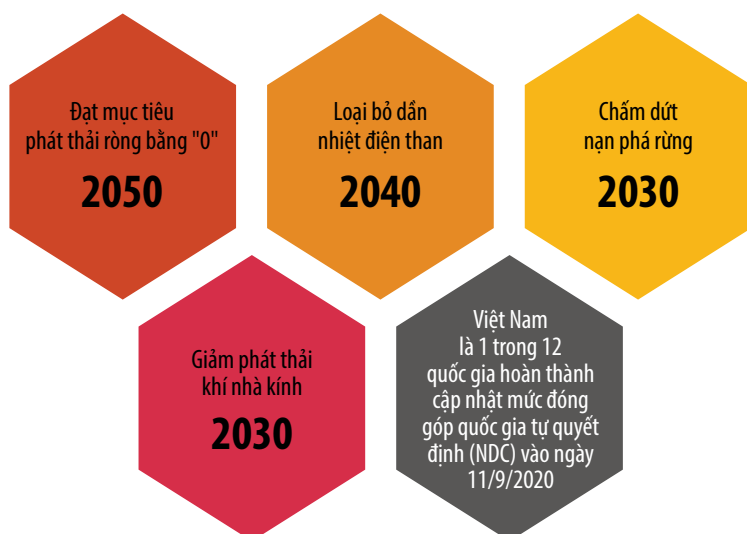
- Đáp ứng cam kết quốc tế: Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 tại COP26 (Hình 1).
- Thu hút đầu tư: Các nhà đầu tư quốc tế ngày càng quan tâm đến hiệu suất ESG của doanh nghiệp. Việc áp dụng ESG sẽ giúp thu hút được nguồn vốn cần thiết cho quá trình chuyển dịch năng lượng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chuẩn ESG để cạnh tranh trên thị trường quốc tế và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Quản lý rủi ro: Áp dụng ESG giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, quy định môi trường và kỳ vọng của xã hội.
- Đảm bảo phát triển bền vững: Việc áp dụng ESG sẽ giúp ngành năng lượng phát triển theo hướng bền vững, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

Bài báo phân tích chi tiết xu hướng áp dụng ESG trong ngành dầu khí, đánh giá thực trạng tại Petrovietnam và đề xuất các giải pháp cụ thể để Petrovietnam có thể thích ứng hiệu quả với xu hướng này, góp phần vào quá trình chuyển đổi năng lượng và phát triển bền vững của Việt Nam.

2. Áp dụng ESG trong lĩnh vực dầu khí trên thế giới, các doanh nghiệp ở Việt Nam và Petrovietnam

2.1. Thực tiễn áp dụng ESG trong lĩnh vực dầu khí trên thế giới

Trước tình hình biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, các công ty dầu khí đã đưa ra cam



Hình 1. Cam kết của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu [4].

kết mạnh mẽ về cắt giảm phát thải khí nhà kính. Những cam kết này vừa phản ánh xu hướng chung của xã hội hướng tới các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG), vừa thể hiện nỗ lực cụ thể của ngành công nghiệp dầu khí trong việc ứng phó với những thách thức to lớn trong xu hướng chuyển dịch năng lượng. Bảng 1 thể hiện cam kết của các công ty dầu khí lớn trên thế giới, khu vực về giảm phát thải khí nhà kính.

Ngoài các vấn đề liên quan đến môi trường, các doanh nghiệp dầu khí ngày càng quan tâm đến các vấn đề xã hội như sự đa dạng, công bằng và hòa nhập. Ngành công nghiệp dầu khí từng được coi là một trong những ngành công nghiệp ít đa dạng nhất. Tuy nhiên, khi các công ty điều chỉnh chiến lược và mô hình kinh doanh để thích ứng với quá trình chuyển dịch năng lượng và sự biến động của ngành thì việc xây dựng lực lượng lao động đa dạng và môi trường làm việc công bằng, hòa nhập đã trở thành

ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp các công ty dầu và khí thúc đẩy sự đổi mới và tăng trưởng. Ngoài ra, với một nơi làm việc đa dạng, các công ty sẽ có khả năng phát huy tối đa các nguồn lực và tận dụng các cơ hội quan trọng sẽ nâng cao sức cạnh tranh cũng như lợi nhuận của công ty. Nội dung cụ thể mà các công ty dầu khí trên thế giới, khu vực đã triển khai, áp dụng nguyên tắc ESG gồm:

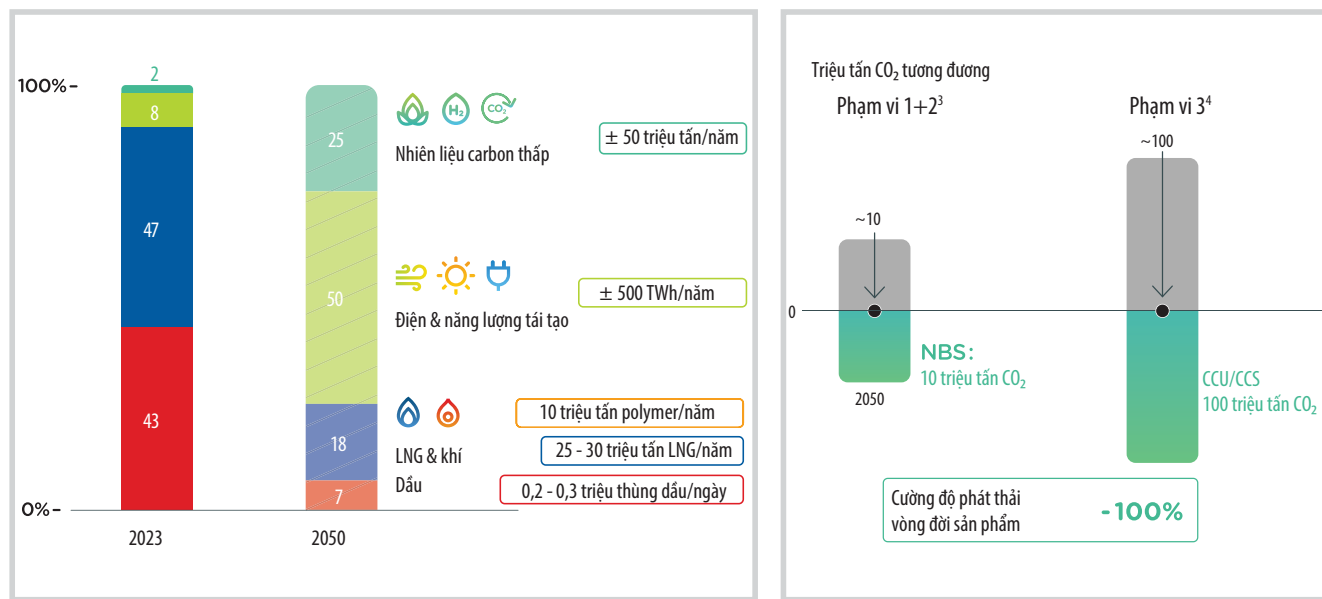
- Chuyển đổi năng lượng, nguồn năng lượng: Nhiều công ty dầu khí đang chuyển dần đầu tư từ lĩnh vực dầu khí truyền thống sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh, phát triển các công nghệ mới nhằm giảm ảnh hưởng đến môi trường như CCUS... để giảm phát thải CO₂. Ví dụ: BP đặt mục tiêu đầu tư 6 - 8 tỷ USD/năm vào chuyển dịch năng lượng vào năm 2025 và 7 - 9 tỷ USD/năm vào năm 2030 [5], Eni đặt mục tiêu đến năm 2030 tổng công suất lắp đặt năng lượng tái tạo là 15 GW.

Bảng 1. Cam kết giảm phát thải khí nhà kính của các công ty dầu khí lớn trên thế giới, khu vực

| TT | Công ty | Cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính |
|----|--------------------|---|
| 1 | BP [5] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 , trong đó: - Đến năm 2030: Giảm phát thải 20 - 30% từ E&P và 50% trên toàn bộ hoạt động. - Đến năm 2050: Giảm 100% phát thải Phạm vi 1 và 2 và 50% Phạm vi 3. |
| 2 | Shell [6] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 , trong đó: - Đến năm 2030: Giảm 50% phát thải Phạm vi 1 và 2. - Đến năm 2050: Phát thải ròng bằng "0" (Phạm vi 1, 2 và 3). |
| 3 | Total Energies [7] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 , trong đó: - Đến năm 2030: Giảm hơn 40% phát thải ròng Phạm vi 1 và 2 và giảm 80% phát thải khí methane 30% so với năm 2015. - Đến năm 2050: Phát thải ròng bằng "0" |
| 4 | Eni [8] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 , trong đó: - Đến năm 2035: Giảm phát thải Phạm vi 1, 2 và 3: 35%; nâng công suất CCUS lên 7 triệu tấn/năm. - Năm 2050: Giảm phát thải Phạm vi 1, 2 và 3: phát thải ròng bằng "0". Nâng công suất CCUS lên 50 triệu tấn/năm. |
| 5 | Equinor [9] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 , trong đó: - Năm 2030: Loại bỏ khí tự nhiên, giữ cường độ phát thải methane gần "0"; giảm phát thải tuyệt đối xuống 50% tại Na Uy. - Năm 2050: Giảm phát thải Phạm vi 1, 2 và 3: Phát thải ròng bằng "0", giảm phát thải tuyệt đối ở Na Uy gần bằng "0". |
| 6 | Repsol [10] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 , trong đó: - Năm 2030: Giảm 30% phát thải Phạm vi 1, 2 và 3. - Năm 2050: Giảm 100% phát thải Phạm vi 1, 2 và 3. |
| 7 | Exxon Mobil [11] | Công nghệ thu giữ CO₂ Hiện nắm giữ 1/3 công suất CCS thế giới. Đến năm 2025: Giảm 40 - 50% rò rỉ khí methane và giảm 35 - 45% đốt bỏ khí tự nhiên trên toàn cầu và tập trung nghiên cứu công nghệ thu giữ carbon, nhiên liệu sinh học tiên tiến. |
| 8 | Chevron [12] | Đến năm 2028: So với mức cơ sở năm 2016, giảm 40% cường độ phát thải trong khai thác dầu, 26% trong khai thác khí và giảm 53% cường độ phát thải khí methane (Phạm vi 1 và 2). |
| 9 | Petronas [13] | Đến năm 2030: Giảm 25% phát thải Phạm vi 1 và 2. Đến năm 2050: Phát thải ròng bằng "0" (Phạm vi 1 và 2). |
| 10 | CNPC, Sinopec [14] | Cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. |
| 11 | PTT [15] | Đến năm 2030: Giảm cường độ phát thải 15% so với năm 2020. Đến năm 2050: Đạt phát thải ròng bằng 0. |
| 12 | Petrovietnam [16] | Đến năm 2025: Giảm 2,86% phát thải Phạm vi 1 và 2 so với năm 2010. Đến năm 2030: Giảm 2,44% phát thải Phạm vi 1 và 2 so với năm 2010. |

- Quản lý rủi ro, an toàn lao động: Các công ty dầu khí áp dụng các tiêu chuẩn an toàn cao, công nghệ hiện đại... để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an toàn cho người

lao động, chú trọng công tác đào tạo về an toàn và đánh giá sức khỏe nghề nghiệp. Ví dụ, tổng số giờ đào tạo về an toàn tại Eni đạt khoảng 200 - 280 nghìn giờ/năm.



(a) Mục tiêu sản lượng đến năm 2050 (b) Mục tiêu phát thải ròng bằng "0" đến năm 2050

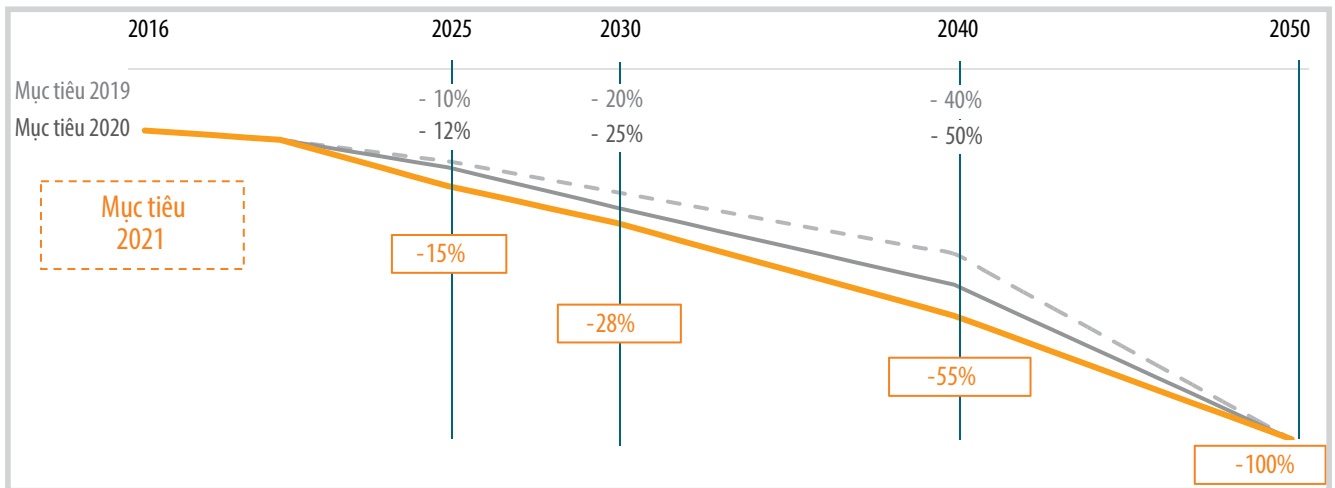
Hình 2. Tầm nhìn của Total Energies nhằm đạt được phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 [7].

| Mục tiêu | Đo lường/phạm vi | 2019 | 2023 (cập nhật) | Mục tiêu 2025 | Mục tiêu 2030 | Mục tiêu cho 2050 hoặc sớm hơn |
|--|--|---------------------------------------|--|------------------------------|-----------------------|--------------------------------|
| Vận hành | Phạm vi 1 + 2 | 54,5 ^a MtCO _{2e} | Giảm phát thải 41% ^b so với mức cơ sở năm 2019 | 20% ^b | 50% ^b | Net zero* |
| Sản xuất | Phạm vi 3 | 361 MtCO ₂ | Giảm phát thải 13% ^b so với mức cơ sở năm 2019 | 10 - 15% ^b 20% | 20 - 30% ^b | Net zero* |
| Kinh doanh | Cường độ carbon ^c vòng đời trung bình | 79 ^d gCO _{2e} /MJ | Giảm cường độ carbon 3% ^{d,e} so với mức cơ sở năm 2019 | 5% ^e | 15 - 20% ^e | Net zero* |
| Giảm methane | Cường độ methane | 0,14% ^f | 0,05% ^f | 0,20% ^g | Giảm 50% ^h | |
| Đầu tư thêm cho chuyển dịch năng lượng | Đầu tư tăng trưởng chuyển đổi | 634 triệu USD | 3,8 tỷ USD | 6 - 8 tỷ USD | 7 - 9 tỷ USD | |

Hình 3. Tổng quan mục tiêu hoạt động của BP hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" [5].

Chú thích:

- a) Được làm tròn từ mức 54,4 triệu tấn CO₂ tương đương (MtCO_{2e}).
- b) Giảm phát thải tuyệt đối so với mức cơ sở năm 2019.
- c) Cường độ carbon trung bình của các sản phẩm năng lượng đã bán của BP.
- d) Các số liệu mục tiêu 3 đã báo cáo trước đó cho giai đoạn 2019 - 2022 đã được trình bày lại để sửa các sai sót trong dữ liệu bán hàng được xác định thông qua các đợt đánh giá kinh doanh và các dự án cải tiến kỹ thuật số. Việc trình bày lại không làm thay đổi cường độ carbon trung bình trong vòng đời của các sản phẩm năng lượng đã bán, đã được tiết lộ trước đó.
- e) Giảm cường độ carbon trung bình của các sản phẩm năng lượng đã bán so với mức cơ sở năm 2019. Tỷ lệ thay đổi được tính toán từ dữ liệu nguồn thay vì số cường độ carbon đã làm tròn.
- f) Cường độ methane trong những năm này được tính toán bằng phương pháp hiện có của BP và mặc dù phản ánh tiến độ giảm phát thải methane, nhưng sẽ không tương quan trực tiếp với tiến độ thực hiện mục tiêu năm 2025 theo mục tiêu 4.
- g) Mục tiêu cường độ methane 0,20% dựa trên phương pháp đo lường mới của BP. Cường độ methane đang được tính toán bằng phương pháp hiện có. Mục tiêu giảm 50% của BP là so với mức cơ sở mới mà BP dự định thiết lập dựa trên phương pháp đo lường mới.



Hình 4. Tham vọng của Repsol hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 trong Phạm vi 1, 2 và 3 dựa trên mức cơ sở năm 2016 [17].

2024 & 2025

2030

2050


49,5
MtCO₂e

Giới hạn phát thải ở mức 49,5 triệu tấn carbon dioxide tương đương (MtCO₂e) từ hoạt động của Petronas Malaysia đến năm 2024

25%

giảm phát thải khí nhà kính trên toàn Petronas, bao gồm:


- 70%** giảm phát thải khí methane từ chuỗi giá trị khí tự nhiên của Petronas trên toàn cầu
- 50%** giảm phát thải khí methane từ chuỗi giá trị khí tự nhiên của Malaysia



NET ZERO 2050


Phát thải carbon ròng bằng "0"

Tham vọng về năng lượng tái tạo và năng lượng sạch đến năm 2030:




Nhà phát triển năng lượng tái tạo quy mô lớn thế hệ tiếp theo

30 - 40 GW



Nhà sản xuất hydrogen sạch quy mô lớn cung cấp cho khách hàng công nghiệp

Lên đến 1.200.000 tấn H₂ sạch mỗi năm



Nhà cung cấp dịch vụ giao thông xanh

10% thị phần
(khoảng 25.000 điểm sạc) trên toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương

* Năm 2019 làm tham chiếu để giảm phát thải Phạm vi 1 và Phạm vi 2

* Petronas nhận thức tầm quan trọng của phát thải Phạm vi 3 và đang áp dụng cách tiếp cận tiến bộ để đo lường, báo cáo và quản lý phát thải trong phạm vi này.

Hình 5. Mục tiêu và tham vọng giảm phát thải khí nhà kính của Petronas (Phạm vi 1 và Phạm vi 2) [13].

- Quan tâm đến cộng đồng và phát triển xã hội: Các doanh nghiệp xây dựng các mục tiêu hợp tác với cộng đồng địa phương để đảm bảo các hoạt động của doanh nghiệp mang lại lợi ích kinh tế, xã hội, việc làm... cho địa phương/người dân. Ví dụ Shell, BP, Eni,... thực hiện các chương trình hỗ trợ đào tạo, việc làm, phát triển hạ tầng, cung cấp năng lượng cho địa phương.

- Báo cáo ESG: Các công ty dầu khí công bố báo cáo ESG với các chỉ số, mục tiêu cụ thể. Nhiều công ty đạt các tiêu chuẩn/chứng nhận quốc tế để tăng cường sự minh bạch và uy tín.

- Xây dựng các chính sách quản lý minh bạch, đặc biệt trong các mối quan hệ kinh doanh: Các công ty dầu khí xây dựng chính sách quản lý tốt nhằm đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động kinh doanh.

- Xây dựng giá trị thương hiệu: Các công ty dầu khí tích hợp ESG vào giá trị cốt lõi nhằm nâng cao giá trị thương hiệu.

Thực tế triển khai ESG cho thấy tại các công ty dầu khí trên thế giới giúp doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy sự phát triển bền vững và tăng cường uy tín của doanh nghiệp.

2.2. Thực tiễn áp dụng ESG ở Việt Nam và Petrovietnam

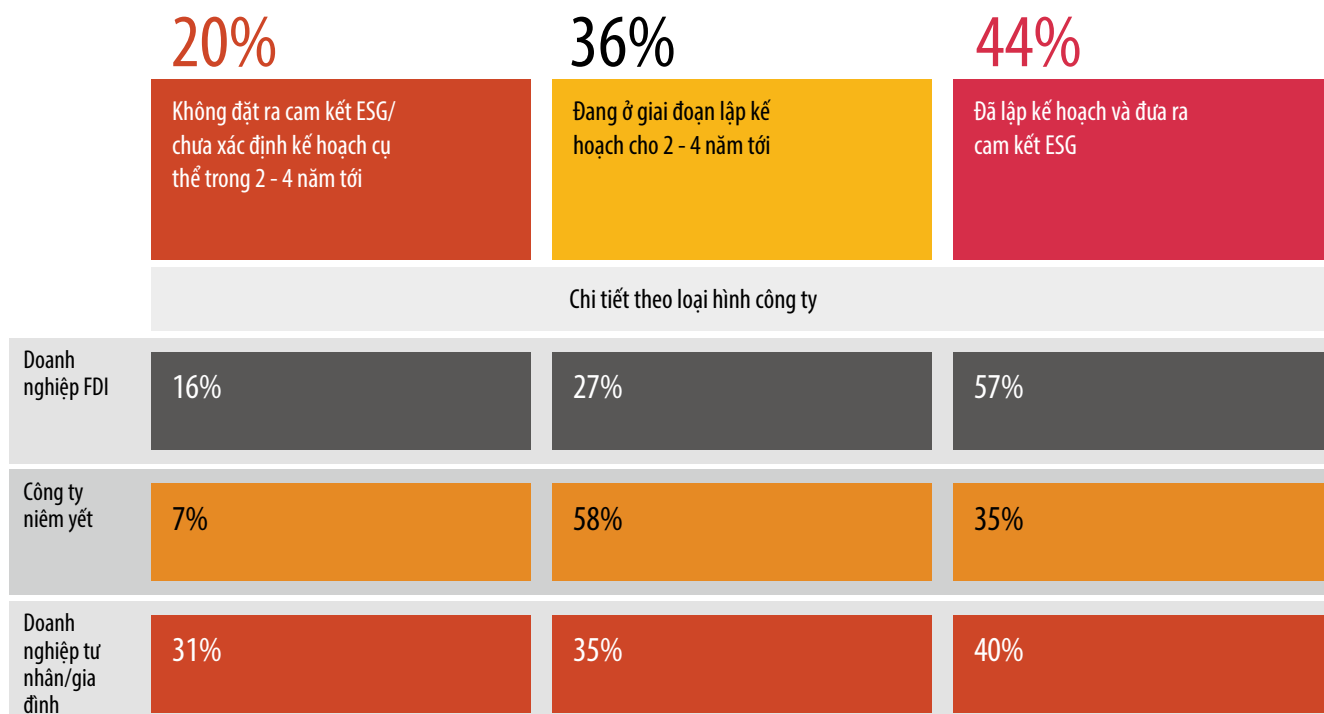
Tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc năm 2021 (COP26), Việt Nam đã cam kết ứng

phó với biến đổi khí hậu, bao quát toàn bộ 3 khía cạnh của ESG. Thông qua việc ban hành các chính sách và quy định liên quan, Chính phủ Việt Nam khuyến khích các doanh nghiệp đảm nhận vai trò lớn hơn trong việc đạt được mục tiêu cam kết quốc gia với ESG.

Theo Báo cáo về Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam do PwC Việt Nam và Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) phối hợp thực hiện, 80% doanh nghiệp đã đặt ra cam kết hành động hoặc đang lên kế hoạch thực hành ESG trong 2 - 4 năm tới [4].

Các yếu tố thúc đẩy doanh nghiệp triển khai ESG gồm: Nâng cao thương hiệu và uy tín (82%), duy trì cạnh tranh trên thị trường (68%), thu hút và giữ chân nhân tài (42%), áp lực từ nhà đầu tư và cổ đông/Chính phủ (37 - 40%). Mặc dù ESG còn khá mới ở Việt Nam, song các tiêu chuẩn ESG được xem là chìa khóa để phát triển mạnh mẽ và bền vững trong mọi lĩnh vực [4].

Theo kết quả khảo sát của PwC, có đến 62% doanh nghiệp ở Việt Nam ưu tiên yếu tố quản trị trong ESG. Nghiên cứu gần đây của MSCI cho thấy mặc dù chỉ số quản trị trong ESG có tác động đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngắn hạn (1 năm), nhưng với khoảng thời gian dài hơn, cả 3 yếu tố ESG có thể mang lại kết quả vượt trội. Khi phân tích dữ liệu trong khoảng thời gian 13 năm, điểm số ESG tổng thể được tổng hợp theo trọng số của cả 3 chỉ số môi trường, xã hội và quản trị cho kết quả dài hạn tốt hơn bất kỳ chỉ số riêng lẻ [4].



Hình 6. Cam kết ESG của các doanh nghiệp tại Việt Nam [4].

Phát triển bền vững là quan điểm xuyên suốt và đã được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Petrovietnam tập trung vào các vấn đề như: chuyển dịch năng lượng giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, các giải pháp quản trị và chuyển đổi số, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thực hiện trách nhiệm với cộng đồng...

Petrovietnam đã cụ thể hóa quan điểm phát triển bền vững bằng các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc công bằng, minh bạch, tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt văn hóa doanh nghiệp trong Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Từ năm 2015, Petrovietnam đã xây dựng Báo cáo An toàn Sức khỏe Môi trường thường niên theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn của GRI, trong đó tập trung vào công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe, cơ chế, chính sách cho người lao động; đảm bảo an toàn cho vận hành các công trình, nhà máy dự án; phòng ngừa và ứng phó các tình huống khẩn cấp; bảo vệ môi trường và phát thải; an sinh xã hội. Một số thông tin về quản trị cũng được giới thiệu như: chính sách về an toàn sức khỏe môi trường, chiến lược phát triển bền vững, định hướng quản lý rủi ro, quan điểm về biến đổi khí hậu... Tuy nhiên, các thông tin về quản trị vẫn còn hạn chế so với các nội dung về an toàn sức khỏe môi trường.

Từ năm 2022, Petrovietnam đã công bố Báo cáo Phát triển bền vững, cập nhật các thông tin liên quan đến phát thải khí nhà kính (Phạm vi 3), các thông tin quản trị (phòng chống tham nhũng)... Các hành động liên quan đến phát triển bền vững tại các đơn vị còn mang tính đơn lẻ, phân tán, thiếu sự liên kết nhất quán và đồng bộ với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh chung của Petrovietnam nên hiệu quả còn chưa cao và khó theo dõi, đánh giá. Các vấn đề trọng yếu của doanh nghiệp cần có sự tham vấn đầy đủ hơn, đặc biệt là các vấn đề mới như: chuyển dịch năng lượng, các lộ trình liên quan đến chuyển dịch năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính cần được cụ thể hóa, đồng bộ hóa dữ liệu từ nhiều đơn vị khác nhau để đảm bảo tính chính xác, bổ sung các nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo, an toàn thông tin và báo cáo cần được thẩm định độc lập bởi bên thứ ba.

3. Cơ hội, thách thức với Petrovietnam khi áp dụng ESG và một số đề xuất, kiến nghị

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự thay đổi nhanh

chóng của thị trường năng lượng, việc tuân thủ các nguyên tắc về môi trường, xã hội và quản trị đã trở thành xu thế tất yếu đối với các doanh nghiệp trên toàn thế giới nói chung và lĩnh vực năng lượng nói riêng. ESG không chỉ là yêu cầu về đạo đức kinh doanh, mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến hiệu quả hoạt động, giá trị thương hiệu và khả năng thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp lớn như Petrovietnam, việc tích hợp ESG vào chiến lược phát triển không chỉ tạo ra các cơ hội, mà còn đặt ra nhiều thách thức.

3.1. Cơ hội

Xây dựng hình ảnh và uy tín: ESG là cơ hội để Petrovietnam và các đơn vị thành viên thể hiện cam kết về bảo vệ môi trường, kinh doanh có trách nhiệm với xã hội và thực hành quản trị tốt. Việc này không chỉ tạo ra hình ảnh tích cực trong cộng đồng mà còn tăng cường uy tín và đánh giá từ phía các nhà đầu tư và đối tác kinh doanh.

Thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm và nguồn tài chính xanh: những cam kết và hành động ESG mạnh mẽ có thể thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm, những người quan tâm đến ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Điều này mở ra cơ hội để Petrovietnam và các đơn vị thành viên có nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án và sáng kiến có lợi cho cả doanh nghiệp và cộng đồng. Tích hợp ESG vào chiến lược phát triển giúp Petrovietnam/các đơn vị thành viên thu hút nguồn vốn từ thị trường tài chính xanh và cơ hội tiếp cận những nhà đầu tư có ưu tiên cho các doanh nghiệp có chiến lược bền vững. Hiện nay, nhiều quỹ đầu tư và tổ chức tài chính quốc tế yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc ESG trước khi tiến hành đầu tư. Việc Petrovietnam áp dụng các nguyên tắc này có thể giúp Tập đoàn tiếp cận với các nguồn vốn đầu tư xanh, từ đó giảm thiểu chi phí tài chính và tạo ra nguồn lực để phát triển các dự án năng lượng bền vững.

Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên: Tích hợp ESG vào chiến lược sản xuất kinh doanh giúp tập trung vào hiệu suất năng lượng và tài nguyên. Các cải tiến về quy trình và công nghệ có thể dẫn đến việc giảm lượng khí thải và lợi nhuận tài chính từ sự tiết kiệm năng lượng và tài nguyên.

Tối ưu hóa quản trị doanh nghiệp: Việc áp dụng ESG sẽ giúp Petrovietnam cải thiện cơ cấu quản trị doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động quản lý. Với một cơ cấu quản trị hiệu quả và minh bạch, Petrovietnam có thể dễ dàng thích nghi với

các quy định pháp lý và yêu cầu của thị trường, đồng thời giảm thiểu rủi ro pháp lý và tài chính.

Định hình tương lai bền vững: ESG cung cấp cơ hội để Petrovietnam và các đơn vị thành viên định hình tương lai dưới góc độ bền vững. Điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng về bảo vệ môi trường mà còn là chiến lược phát triển dài hạn cho doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực cạnh tranh và cơ hội tìm kiếm và thiết lập đối tác chiến lược: Thế giới đang chứng kiến một sự chuyển dịch lớn trong ngành năng lượng từ các nguồn nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Petrovietnam có thể nắm bắt được cơ hội này bằng cách phát triển các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và thân thiện với môi trường, Tập đoàn sẽ có thể duy trì vị thế của mình trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng khốc liệt. Tích hợp ESG mở ra cơ hội để thiết lập đối tác và liên kết chiến lược với các doanh nghiệp và tổ chức có cùng giá trị và cam kết với bền vững. Điều này có thể mang lại các dự án chung nhiều giá trị và cùng phối hợp trong các nỗ lực bảo vệ môi trường. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn ESG cũng có thể giúp Petrovietnam tham gia vào các dự án hợp tác quốc tế, đặc biệt là những dự án có liên quan đến năng lượng sạch và phát triển bền vững.

3.2. Thách thức

Áp lực tài chính và thời gian: Quá trình chuyển đổi để đáp ứng các tiêu chí ESG có thể đòi hỏi đầu tư lớn cả về tài chính và thời gian. Petrovietnam/các đơn vị thành viên cần đổi mới với áp lực để duy trì hiệu suất tài chính trong khi thực hiện các biện pháp cần thiết. Một trong những thách thức lớn nhất đối với Petrovietnam khi tích hợp ESG là chi phí đầu tư ban đầu cho các dự án phát triển bền vững và cải thiện cơ cấu quản trị. Việc thực hiện các dự án sản xuất năng lượng sạch, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường đòi hỏi các nguồn lực lớn về tài chính và nhân lực. Đồng thời, việc tuân thủ các tiêu chuẩn ESG có thể làm tăng chi phí hoạt động và sản xuất, đặc biệt là trong ngành công nghiệp dầu khí vốn có mức tiêu thụ năng lượng và phát thải lớn.

Sự thay đổi trong chiến lược kinh doanh: Việc chuyển đổi từ một mô hình kinh doanh dựa trên năng lượng hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch không chỉ đòi hỏi Petrovietnam phải thay đổi chiến lược phát triển mà còn đòi hỏi một sự chuyển đổi về mô hình kinh doanh, văn hóa tổ chức. Điều này có thể gặp

nhiều rào cản đặc biệt là trong bối cảnh ngành dầu khí truyền thống vẫn đóng vai trò quan trọng trong doanh thu của Tập đoàn. Thay đổi chiến lược kinh doanh còn đồng nghĩa với việc Petrovietnam cần phải đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ năng trong các lĩnh vực mới như năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, công nghệ xanh và quản trị ESG.

Khung pháp lý và quy định chưa hoàn chỉnh: Một trong những thách thức lớn đối với Petrovietnam là khung pháp lý và quy định liên quan đến ESG tại Việt Nam vẫn trong quá trình phát triển. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và năng lượng tái tạo, năng lượng sạch nhưng các quy định cụ thể về ESG vẫn chưa được hoàn thiện. Điều này có thể tạo ra sự không đồng nhất trong việc triển khai ESG ở các doanh nghiệp, bao gồm cả Petrovietnam. Ngoài ra, việc tích hợp ESG vào chiến lược sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn gặp nhiều khó khăn vì Petrovietnam là doanh nghiệp Nhà nước và phụ thuộc nhiều vào chính sách, kế hoạch cấp quốc gia, cấp ngành của Chính phủ, Bộ Công Thương và Ủy ban Quản lý vốn. Chiến lược phát triển bền vững phải đảm bảo hài hòa và không xung đột với chiến lược phát triển sản xuất của Petrovietnam.

Đồng bộ hóa dữ liệu: Thách thức lớn đối diện với Petrovietnam/các đơn vị thành viên là đồng bộ hóa dữ liệu từ nhiều đơn vị khác nhau để tạo ra báo cáo ESG chính xác và đầy đủ. Cần có hệ thống thông tin chung và tiêu chuẩn hóa quy trình để thu thập thông tin từ các đơn vị khác nhau.

Là doanh nghiệp trụ cột của nền kinh tế đất nước, có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển kinh tế, trong bối cảnh toàn cầu đang dần chuyển hướng sang phát triển bền vững và năng lượng sạch, việc tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược phát triển là yêu cầu cấp thiết đối với Petrovietnam. Việc áp dụng các tiêu chuẩn ESG không chỉ giúp Petrovietnam cải thiện hình ảnh doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư quốc tế mà còn giúp doanh nghiệp quản lý rủi ro tốt hơn, nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Để tích hợp ESG vào chiến lược phát triển, Petrovietnam cần có giải pháp toàn diện và đồng bộ, nâng cao hiệu quả áp dụng ESG và xây dựng chiến lược phát triển bền vững.

- Xây dựng chiến lược ESG: Petrovietnam/các đơn vị thành viên cần định hướng xây dựng chiến lược ESG chi tiết, phản ánh cam kết của doanh nghiệp đối với việc bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và thực hành quản trị

tốt theo chuẩn mực quốc tế. Chiến lược ESG đặt ra các mục tiêu cụ thể, tầm nhìn dài hạn và đảm bảo được tích hợp vào chiến lược kinh doanh tổng thể của Petrovietnam/các đơn vị thành viên.

- Cam kết tạo ra giá trị dài hạn: Petrovietnam/các đơn vị thành viên cần cam kết tạo ra giá trị dài hạn cho cả doanh nghiệp và cộng đồng. Việc tích hợp ESG không chỉ là việc tuân thủ, mà còn định hình lại chiến lược phát triển của doanh nghiệp để có thể thích ứng với môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp và đòi hỏi bền vững.

- Xây dựng nguồn lực cho ESG: Chuẩn bị nguồn lực cần thiết để triển khai và duy trì các chương trình ESG. Điều này bao gồm đào tạo nhân sự, đầu tư vào công nghệ tiên tiến để theo dõi và đánh giá hiệu suất ESG, cũng như việc tạo ra một văn hóa doanh nghiệp thúc đẩy các giá trị ESG.

- Xây dựng quy trình nghiệp vụ ESG: Tích hợp ESG vào quy trình nghiệp vụ hàng ngày để đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ; xây dựng các chính sách cụ thể về thực hiện ESG nhằm đảm bảo tính tuân thủ.

- Đổi mới sáng tạo: Tạo ra môi trường thúc đẩy ý kiến sáng tạo và đề xuất các giải pháp mới trong lĩnh vực ESG cho cán bộ công nhân viên/người lao động; đầu tư vào các dự án nghiên cứu và phát triển về năng lượng tái tạo, năng lượng xanh... giảm các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Truyền thông: Truyền tải thông điệp tới cộng đồng, xã hội và nhà đầu tư; lắng nghe phản hồi để có sự điều chỉnh phù hợp.

- Lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí: Xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính. Triển khai các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính và giảm cường độ phát thải thông qua việc thu gom tối đa khí đồng hành, hạn chế xả nguội, kiểm soát rò rỉ khí methane, thu hồi, lưu trữ, sử dụng CO₂, tích hợp năng lượng tái tạo vào các hoạt động khai thác dầu khí. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải, thường xuyên đánh giá tác động môi trường, đa dạng sinh học tại các khu vực có hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

- Lĩnh vực công nghiệp khí: Xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính. Áp dụng các giải pháp công nghệ phát hiện và giảm thiểu rò rỉ khí methane, định kỳ kiểm tra và triển khai các giải pháp đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống đường ống. Phát triển các sản phẩm năng lượng sạch như biogas, e-methane, hydrogen “xanh” phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng.

- Lĩnh vực lọc hóa dầu: Xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính. Áp dụng các giải pháp giảm cường độ phát thải và phát thải khí nhà kính như tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng, tối ưu hóa vận hành, thu hồi, lưu trữ, sử dụng CO₂, tích hợp nguyên liệu, năng lượng tái tạo vào các hoạt động sản xuất. Phát triển các sản phẩm năng lượng sạch như các loại nhiên liệu gốc hydrogen, nhiên liệu hàng không bền vững, nhiên liệu sinh học tiên tiến, ammonia “xanh”. Tăng cường tuần hoàn, tái sử dụng nước, tích hợp tái chế nhựa thải vào các quá trình lọc dầu.

- Lĩnh vực điện: Xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính và xanh hóa các nhà máy điện than. Áp dụng các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính như thu hồi, lưu trữ, sử dụng CO₂, áp dụng các giải pháp công nghệ khử NOx, SOx. Tăng cường tuần hoàn, tái sử dụng nước, sử dụng tro bay làm vật liệu xây dựng.

- Lĩnh vực dịch vụ: Tăng cường sử dụng các loại hóa phẩm, dung dịch khoan thân thiện với môi trường. Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nhiên liệu, chuyển đổi sang các loại nhiên liệu sạch cho các tàu vận chuyển. Tích hợp năng lượng tái tạo sử dụng cho các nhà xưởng. Áp dụng các công nghệ mới như công nghệ robot, drone để kiểm soát tính toàn vẹn của các công trình dầu khí và thực hiện các nhiệm vụ ở khu vực có nhiều rủi ro về an toàn.

Lộ trình triển khai: Lộ trình triển khai ESG tại Petrovietnam và các đơn vị thành viên cần được coi là quá trình liên tục và linh hoạt, đáp ứng được sự biến động của môi trường kinh doanh và xã hội. Sự cam kết mạnh mẽ và lãnh đạo nhất quán sẽ đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện thành công chiến lược này. Việc xây dựng lộ trình triển khai cần lưu ý các nội dung chính sau:

- + Phân tích bối cảnh và xác định các lĩnh vực ESG quan trọng: Phân tích tổng thể các yếu tố ESG tại doanh nghiệp để định vị và xác định những thách thức cụ thể cần đối mặt và các yếu tố ESG có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp, trên cơ sở đó xây dựng bộ chỉ số ESG trọng yếu.

- + Thiết lập tầm nhìn và xây dựng chiến lược ESG: Sau khi xác định các lĩnh vực ESG trọng yếu, cần thiết lập tầm nhìn và xây dựng chiến lược ESG bao gồm các mục tiêu cụ thể và chỉ số để đo lường hiệu suất ESG và tiến độ đạt được tầm nhìn ESG.

- + Triển khai chiến lược ESG: Petrovietnam xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để đạt được các mục tiêu ESG và triển khai trong toàn bộ tổ chức, đồng thời tích hợp ESG vào quá trình quản lý và thiết lập hệ thống theo dõi

và đo lường để theo dõi tiến độ đối với các mục tiêu và chỉ số ESG. Tham vấn cộng đồng, nhà đầu tư và các bên liên quan khác để cung cấp thông tin về tình hình triển khai và lắng nghe ý kiến phản hồi.

+ Hệ thống dữ liệu, báo cáo: Tăng cường đầu tư vào công tác chuyển đổi số, đầu tư vào hệ thống dữ liệu để theo dõi, báo cáo đầy đủ các nội dung về ESG; xây dựng quy trình chi tiết để thực hiện ESG để đảm bảo tuân thủ và thực hiện hiệu quả.

+ Hoàn thiện báo cáo ESG: Báo cáo theo các tiêu chuẩn quốc tế và thể hiện đầy đủ mục tiêu và chỉ số ESG, chương trình và kế hoạch hành động trong đó mô tả chi tiết các chương trình và kế hoạch hành động doanh nghiệp đã triển khai để đạt được các mục tiêu ESG. Báo cáo ESG cần được đánh giá và xác nhận về các chỉ số ESG từ các tổ chức độc lập và chuyên nghiệp có thẩm quyền.

3. Kết luận

Xu hướng chuyển dịch năng lượng, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn ngày càng phát triển, tạo ra áp lực cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời đảm bảo phải có sự hài hòa trong phát triển về kinh tế và phát triển bền vững, đặc biệt là các yếu tố Môi trường (E), Xã hội (S), Quản trị (G).

Đối với lĩnh vực năng lượng nói chung và dầu khí nói riêng, phát triển bền vững không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yếu tố then chốt, ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Do đó, phát triển bền vững phải là vấn đề mang tầm chiến lược và cần được áp dụng, triển khai nhất quán, đồng bộ, xuyên suốt, thường xuyên và liên tục không chỉ ở Petrovietnam mà còn cả ở các đơn vị thành viên để đảm bảo tính hiệu quả, góp phần xây dựng Petrovietnam trở thành tập đoàn công nghiệp năng lượng quốc gia có sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững.

Việc áp dụng ESG và thích ứng với xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu là thách thức lớn nhưng cũng là cơ hội quan trọng đối với Petrovietnam. Bằng cách chủ động xây dựng và triển khai chiến lược ESG toàn diện, Petrovietnam có thể không chỉ đảm bảo sự phát triển bền vững mà còn đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu của quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1] IBM, What is Environmental, Social, and Governance (ESG)?, 2024. [Online]. Available: <https://www.ibm.com/topics/environmental-social-and-governance>
- [2] PwC, "ESG trends in 2023", 2023. [Online]. Available: https://www.pwc.com/kz/en/publications/new_publication_assets/esg-trends-in-2023-eng.pdf.
- [3] Luke Parker, "Beyond ESG: Sustainability in energy and natural resources", 20/3/2024. [Online]. Available: <https://www.forbes.com/sites/woodmackenzie/2024/03/20/beyond-esg-sustainability-in-energy-and-natural-resources/>.
- [4] PwC, Báo cáo về Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022, [Online]. Available: <https://www.pwc.com/vn/vn/publications/2022/pwc-vietnam-esg-readiness-2022-vn.pdf>.
- [5] BP, "Net zero ambition progress update", 3/2024. [Online]. Available: <https://www.bp.com/content/dam/bp/business-sites/en/global/corporate/pdfs/investors/bp-net-zero-progress-update-2024.pdf>.
- [6] Shell, "Our climate target", 2024. [Online]. Available: <https://www.shell.com/energy-and-innovation/the-energy-future/our-climate-target.html>.
- [7] TotalEnergies, "Sustainability & climate 2024 progress report". [Online]. Available: https://totalenergies.com/system/files/documents/2024-03/totalenergies_sustainability-climate-2024-progress-report_2024_en.pdf.pdf.
- [8] Eni, "Eni's decarbonization journey". [Online]. Available: <https://www.eni.com/en-IT/sustainability/decarbonization.html>.
- [9] Equinor, "Overview of climate ambitions". [Online]. Available: <https://cdn.equinor.com/files/h61q9gi9/global/1a085cdbc6f561f6e889db0fb0c080e739df683.pdf?Climate-ambition-overview-REN-update-2040-08.08.2024.pdf>.
- [10] Repsol, "Net zero emissions by 2050 commitment", 2024. [Online]. Available: <https://www.repsol.com/en/sustainability/sustainability-pillars/climate-change/net-zero-emissions-by-2050/index.cshhtml>.
- [11] ExxonMobil, "ExxonMobil's net-zero ambition", 2022. [Online]. Available: <https://corporate.exxonmobil.com/-/media/global/files/advancing-climate-solutions-progress-report/2022-july-update/net-zero-ambition.pdf>.

[12] Chevron, "Climate change resilience advancing a lower carbon future". [Online]. Available: <https://www.chevron.com/-/media/chevron/sustainability/documents/2021-climate-change-resilience-report.pdf>.

[13] Petronas, "Petronas' pathway to net zero carbon emissions 2050", 2022.

[14] CNPC, "Green development towards carbon peak & carbon neutrality", 2021.

[15] PTT, "Climate action". [Online]. Available: <https://www.pttplc.com/en/Sustainability/Environment/Climatechangemanagement.aspx>.

[16] Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, "Báo cáo phát triển bền vững". 2022.

[17] Repsol, "Low Carbon Day - Boosting the Transition". 2021. [Online]. Available: <https://www.repsol.com/content/dam/repsol-corporate/es/accionistas-e-inversores/pdf/boosting-the-transition.pdf>.

TRENDS IN ESG ADOPTION AND SOME PROPOSALS FOR VIETNAM OIL AND GAS GROUP

Bui Minh Tien, Nguyen Thi Thuy Tien, Dang Thanh Tung

Vietnam Oil and Gas Group

Email: tungdt@pvn.vn

Summary

The integration of ESG (Environmental, Social, and Governance) into business strategies is becoming an inevitable and increasingly urgent trend in the energy industry, with an increasing focus on carbon emission reduction, investment in renewable energy, and enhanced transparency in corporate governance.

This paper provides a detailed analysis of ESG adoption trends in the global energy industry and proposes specific recommendations for Vietnam Oil and Gas Group (Petrovietnam). Accordingly, Petrovietnam needs to develop a comprehensive ESG roadmap, including specific and measurable objectives, to enhance its competitive position and ensure sustainable development in the global energy transition trend.

Key words: ESG, carbon emission reduction.